

*

Số 54-CTr/TU

Hải Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2022

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH HD

ĐẾN Số: 5359.....
Ngày: 14/11/2022
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I. TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN TỈNH HẢI DƯƠNG

Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự chung sức, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Hải Dương đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung toàn tỉnh. Nông nghiệp tiếp tục phát triển cả quy mô và trình độ sản xuất, duy trì mức tăng trưởng khá, khẳng định vị thế quan trọng, là một trong 4 trụ cột của nền kinh tế; sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng; tỷ lệ cơ giới hóa, nông sản chế biến tăng dần, thị trường tiêu thụ được mở rộng. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò là chủ thể, tham gia phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sâu rộng, với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn không ngừng được cải thiện, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh, số hộ khá và giàu tăng; diện mạo nông thôn có sự thay đổi rõ rệt; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ngày càng được củng cố, nâng cao; Hải Dương là tỉnh thứ 5 toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, sản xuất nhỏ lẻ vẫn là chủ yếu, thiếu liên kết; chất lượng, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao; cơ giới hóa nông nghiệp chưa đồng bộ; công nghiệp chế biến nông sản phát triển chậm, nhất là khâu bảo quản và chế biến sâu; nông sản chủ yếu được sơ chế, xuất khẩu thô, việc xây dựng thương hiệu mạnh còn ít. Đời sống của cư dân nông thôn mặc dù đã được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn chưa cao, chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa nông dân và các thành phần khác ngày càng cao; việc tiếp cận với những dịch vụ như y tế,

giáo dục, văn hóa của một số người dân còn khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn còn chậm; hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, thủy lợi, điện...) còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, thích ứng biến đổi khí hậu; ô nhiễm môi trường nông thôn có xu hướng gia tăng...

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Nông nghiệp là khu vực dễ bị tổn thương, rủi ro cao nên sức hút với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp chưa cao; nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức, nên có lúc, có nơi còn thiếu chủ động, chưa sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết; đầu tư từ ngân sách Nhà nước chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết đề ra; một số cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, chậm sửa đổi, bổ sung nhất là về đất đai, đầu tư, tín dụng, bảo hiểm...

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần, vai trò và vị thế của nông dân và cư dân nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực. Nông thôn phát triển toàn diện, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân từ 2,5-3%/năm.
- Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân trên 6%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.
- Phấn đấu 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là trên 50%.
- Thu nhập của người dân nông thôn năm 2030 tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Giảm 4/5 số hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều so với năm 2020.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 14%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,6%, diện tích đất rừng giữ ổn định ở mức trên 11.000 ha. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đa giá trị, trở thành trung tâm sản xuất, chế biến nông sản của vùng đồng bằng sông Hồng. Nông thôn hiện đại, giàu bản sắc văn hóa xứ đồng, trở thành nơi đáng sống; an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần, vai trò và vị thế của nông dân và cư dân nông thôn

Đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân và người dân nông thôn là nhiệm vụ ưu tiên, xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để người dân tham gia thực chất trong xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Có chính sách, tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn, bảo tồn và phát huy sự đa dạng và giá trị văn hóa.

Phát huy vai trò của Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, làng, khu dân cư văn hoá.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp bảo đảm thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế của từng địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường tính chủ động trong sản xuất, cung ứng vật tư đầu vào, thức ăn chăn nuôi. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là trụ cột, nòng cốt, dẫn dắt. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Về trồng trọt: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả; bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất chuyên lúa, đến năm 2030 giữ ổn định diện tích đất trồng lúa của tỉnh khoảng 46.500 ha, đồng thời chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây rau màu, cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ.

Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn dịch bệnh, sản xuất chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn thực phẩm. Mở rộng các gia trại, trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp tạo ra

những vùng sản xuất hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Ưu tiên phát triển những sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh là thịt lợn, thịt và trứng gia cầm theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng đất, lao động và vốn đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp từng giai đoạn tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển đúng hướng, bền vững. Kiên quyết di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu dân cư tập trung. Tăng cường năng lực của hệ thống thú y bảo đảm phòng chống dịch bệnh hiệu quả.

Về thủy sản: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước, hệ thống điện... cho các khu nuôi trồng thủy sản tập trung nhằm tăng giá trị sản xuất, chủ động trong phòng chống dịch bệnh. Tập trung phát triển vùng nuôi chuyên canh chính cho các sản phẩm cá chép, trắm, rô phi... Có chính sách phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Về lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ phát triển rừng, duy trì ổn định diện tích rừng hiện có, tập trung quản lý bảo vệ nghiêm ngặt 2.241 ha rừng tự nhiên. Nghiên cứu, đề xuất thực hiện đề án chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện khoanh nuôi tái sinh khoảng 1.000 ha rừng tự nhiên với mục tiêu rừng tự nhiên của tỉnh ngày càng phát huy được vai trò phòng hộ, bảo vệ môi trường, phát triển hệ sinh thái rừng ngày càng đa dạng.

3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn.

Phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương phù hợp với quy hoạch và chính sách phát triển công nghiệp của cả nước. Đảm bảo thực hiện mục tiêu đến năm 2030, tỉnh sẽ phát triển các ngành công nghiệp quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh cao với chuỗi giá trị sản xuất hoàn thiện, tiến tới mục tiêu hình thành công nghiệp công nghệ cao, thông minh. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại. Phát huy vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các tiêu chí, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tổ chức thực hiện quy hoạch nông thôn, quản lý kiến trúc phù hợp theo quy định pháp luật và điều kiện thực tế tại địa phương. Nâng cao chất lượng sống, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước vào lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn; tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, logistics, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế. Quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hóa xứ đồng.

5. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai; tiếp tục có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hộ nông dân tích tụ ruộng đất để sản xuất hàng hóa, khắc phục tình trạng bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả. Tiến hành quy hoạch để giữ ổn định diện tích đất trồng lúa, đất rừng; sử dụng tài nguyên đất đai hợp lý để phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị dựa trên cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

Tạo môi trường để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với việc kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần cho giai đoạn 2011-2020. Có cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các địa phương có diện tích đất trồng lúa, đất rừng lớn với các địa phương khác; hỗ trợ nâng cao đời sống của người trồng lúa, trồng rừng.

Đa dạng hóa các hình thức tín dụng, phù hợp với đặc điểm từng thời vụ trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ hỗ trợ nông dân, hằng năm trích ngân sách bổ

sung cho quỹ; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen.

6. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; hiệu quả trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của từng địa phương. Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông theo hướng kết hợp giữa nhà nước và doanh nghiệp, phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng “thuận thiên”; Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và

sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn); phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro là cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường. Có kế hoạch tiến hành các nghiên cứu và tập trung xác định giải pháp để chủ động đối phó, khắc phục hệ thống các vấn đề rủi ro bất định theo các phương án kịch bản đối với các nguy cơ cho sản xuất và phát triển nông thôn như các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, tả lợn châu Phi,...), các hiện tượng nguy hại (sụt lở sông, sụt lún nền,...), các xu hướng diễn biến bất lợi (già hóa dân số, di cư tự phát...) đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường trong và ngoài nước đảm bảo ổn định đầu ra cho nông sản

Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu. Tiếp cận hệ thống phòng vệ thương mại, hệ thống cảnh báo sớm nhằm khai thác hiệu quả lợi ích và hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực từ việc hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm thông qua các hoạt động hội chợ, xúc tiến thương mại, đăng ký nhãn hiệu, logo, tem nhãn, bao bì, mã truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông sản.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, quy mô lớn và bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị trường chính trong và ngoài nước. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cấp ủy, chính quyền các cấp đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, quán triệt, chỉ đạo, vận động toàn hệ thống chính trị tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu của người dân nông thôn. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

10. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự khu vực nông thôn

Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn; chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch phản động; giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp khiếu kiện ngay tại cơ sở, không để xảy ra việc khiếu kiện đông người vượt cấp trái pháp luật, nhất là những vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng đất, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn. Tập trung đấu tranh, triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, không để gia tăng tội phạm, không để tội phạm lộng hành... thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; làm tốt công tác vận động quần chúng, huy động và phát huy ngày càng tốt hơn sức mạnh của cả hệ thống chính trị ở cơ sở trong phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự ngay tại cơ sở, nhất là vận động người có uy tín trong cộng đồng tham gia công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa lực lượng Công an nhân dân với Quân đội nhân dân và các ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng trong tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức nghiêm túc việc quán triệt, nghiên cứu, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cho phù hợp với địa phương, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào chủ trương, chính sách, chỉ đạo, tập trung thể chế hoá, sớm đưa nội dung Nghị quyết vào cuộc sống; chỉ đạo rà soát các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả; ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị Quyết và Chương trình hành động.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động này; hằng năm tiến hành sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm, phát hiện và nhân rộng các mô hình làm tốt, khen thưởng các tổ chức, cá nhân điển hình có nhiều đóng góp tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu nội dung nội dung Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tham gia thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra.

5. Giao cho Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết; Chương trình hành động của Tỉnh ủy định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng TW và các Ban XD Đảng TW,
- Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam,
- Các ban, BCS đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo và CV VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Trần Đức Thắng